TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 996/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1984;
Hộ khẩu thường trú: Số 16 đường H, Phường 9, thành phố V, tỉnh V.
Địa chỉ: Số 02 đường H, Phường 1, thành phố V, tỉnh V (có mặt).
Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1983;
Hộ khẩu thường trú: Số 16 đường H, Phường 9, thành phố V, tỉnh V.
Địa chỉ: Số 02 đường H, Phường 1, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vũng Tàu vào ngày 15-01-2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7-2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên bảo

ông tìm một công việc ổn định để làm nhưng ông H không nghe còn có những lời nói xúc phạm đến bà. Vì nghĩ con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và cho ông H cơ hội để thay đổi nhưng ông H vẫn tính nào tật nấy khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 09-11-2014. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia P và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lâm Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Trung H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H thì thấy: Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông tìm một công việc ổn định để làm nhưng

ông H không nghe còn có những lời nói xúc phạm đến bà. Vì nghĩ con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và cho ông H cơ hội để thay đổi nhưng ông H vẫn tính nào tật nấy khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau.

Theo xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông H là do vấn đề kinh tế. Gần đây nhất vào ngày 02-9-2017, bà T và ông H xảy ra cãi vã, xô xát, ông H có đánh bà T và đập phá đồ đạc trong nhà.

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông H, cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

Về con chung: Bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Trung H có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 09-11-2014. Do cháu P còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ vả lại bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên việc giao cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T đối với ông Nguyễn Trung H.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị T ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 09-11-2014. Bà Lâm Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia P. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005606 ngày 01-10-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương